

Số: **1796** /TCS-VP

Cám Phả, ngày 22 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin họp ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Biên bản họp Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin ngày 22/4/2021.

Chúng tôi trân trọng thông báo thay đổi nhân sự của Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin như sau:

1. Trường hợp bổ nhiệm:

- Bà **Nguyễn Thị Lương Anh**
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Phó trưởng phòng thuộc Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
- Chức vụ được bổ nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát.
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Từ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

2. Trường hợp miễn nhiệm:

- Ông **Nguyễn Văn Hùng**
- Không còn đảm nhận chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.
- Lý do miễn nhiệm: Có đơn từ nhiệm để nghỉ hưu theo chế độ.
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Từ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, VP (Th03).

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ, BB họp BKS;
- Trích yếu lý lịch, Bản cung cấp thông tin.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Trung Thành

Số: 52 /NQ-ĐHĐCĐ

Cầm Phả, ngày 22 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU-VINACOMIN

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin;
Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin họp ngày 22/4/2021.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2020				
			Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH đầu năm	KH điều chỉnh
1	Đất đá bóc xúc	M ³	28.000.000	24.810.000	24.807.333	88,6	100,0
2	Than sản xuất	Tấn	2.915.000	2.615.000	2.618.313	89,8	100,1
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	2.000.000	1.700.000	1.700.004	85,0	100,0
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	915.000	915.000	918.309	100,4	100,4
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M ³ /tấn	14,00	14,59	14,59	104,2	100,0
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.883.000	2.600.000	2.640.263	91,6	101,5
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	3.737.005	3.045.621	3.128.939	83,7	102,7

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2020				
			Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH đầu năm	KH điều chỉnh
-	Trong đó: Doanh thu than	Tr.đ	3.734.005	3.029.069	3.110.521	83,3	102,7
6	Giá trị đầu tư XD CB	Tr.đ	188.710	155.441	145.714	77,2	93,74
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	27.248	27.248	7.212	26,5	26,5
8	Tiền lương bình quân	1000đ/người/tháng	9.674	9.648	9.838	101,7	102,0

1.2. Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2021

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2021
1	Đất đá bóc xúc	m ³	22.420.000
2	Than nguyên khai khai thác	Tấn	1.900.000
3	Than sạch từ đất đá lẫn than	Tấn	1.100.000
*	Hệ số bóc	m ³ /tấn	11,80
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.980.000
5	Doanh thu tổng số	Triệu đồng	2.859.337
	Trong đó: Doanh thu than	Triệu đồng	2.856.337
6	Giá trị đầu tư xây dựng	Triệu đồng	48.476
7	Kế hoạch tuyển bổ sung lao động	Người	160
8	Tiền lương bình quân	1.000đ/ng/tháng	9.622
9	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.909
10	Dự kiến chi trả cổ tức	%/vốn điều lệ	≥ 3

Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty căn cứ vào thị trường tiêu thụ, diễn biến thời tiết.... chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của các cổ đông và Công ty.

Điều 2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Tài sản ngắn hạn : 539,475 tỷ đồng.
2. Tài sản dài hạn : 1.168,744 tỷ đồng.
3. Tổng cộng tài sản : 1.708,219 tỷ đồng.
4. Nợ phải trả : 1.374,005 tỷ đồng.
5. Vốn chủ sở hữu : 334,214 tỷ đồng.
6. Tổng lợi nhuận trước thuế : 7,212 tỷ đồng.
7. Kết quả thực hiện mức chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của HĐQT, BKS và viên chức quản lý Công ty năm 2020.

TT	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG (đ)	THÙ LAO (đ)	GHI CHÚ
1	HĐQT và người quản lý Công ty	1.685.245.000	271.920.000	
2	Ban Kiểm soát	331.320.000	102.840.000	
3	Tiền thưởng đối với HĐQT, BKS	0	0	
	Tổng cộng:	2.016.565.000	374.760.000	

Điều 3. Thông qua phương án Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)
1.	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	7.212	100
2.	Thuế TNDN	Triệu đồng		
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Triệu đồng	7.212	100
3.1	Chia cổ tức (2% vốn điều lệ)	Triệu đồng	6.499	90,11
3.2	Lợi nhuận còn lại được trích bổ sung các quỹ	Triệu đồng	713	9,89
-	Quỹ thưởng Người quản lý Công ty	Triệu đồng		
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	713	

Điều 4. Thông qua việc chi trả tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2020; đề xuất tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2021.

4.1. Tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2020.

a) Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2020

- 05 Thành viên HĐQT của Công ty : 271.920.000 đồng.

- 02 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty : 102.840.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS : 374.760.000 đồng.

Bảng chữ: (Ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

b) Chi trả tiền lương đối với TB Kiểm soát chuyên trách năm 2020 là 331.320.000 đồng.

4.2. Thông qua mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021

a) Đề xuất mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2021

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	$25.700.000 \times 20\% = 5.140.000$
2	Thành viên HĐQT	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$
3	Trưởng ban Kiểm soát	$22.900.000 \times 20\% = 4.580.000$
4	Thành viên BKS	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$

* **Ghi chú:** Mức tiền thù lao trên được chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách.

b) Việc chi trả thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được tạm ứng 80% mức thù lao của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS Công ty theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 5. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2020; phương hướng nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung sau (chi tiết cụ thể như báo cáo đã trình bày tại Đại hội):

5.1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị được tổ chức họp thường xuyên theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để giải quyết các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Năm 2020 các thành viên HĐQT Công ty thực hiện tốt chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ được giao, làm việc có trách nhiệm, cẩn trọng và trung thực, vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Quản lý điều hành Công ty hoạt động theo đúng Pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT.

- Vốn kinh doanh được bảo toàn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

b) Việc bổ trí thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán 2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020 NĐ-CP, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện việc bổ trí thành viên Hội đồng quản trị độc lập vào thời gian thích hợp.

5.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người điều hành Công ty trong việc quản lý, điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày được tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

5.4. Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020.

5.5. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Điều 6. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về (i) kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2020; (ii) báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung sau (chi tiết cụ thể như báo cáo đã trình bày tại Đại hội).

6.1. Thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2020 Công ty đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực.

6.2. Ban Kiểm soát đồng ý báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực.

6.3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và người điều hành Công ty.

Công tác quản lý điều hành Công ty của HĐQT, Giám đốc Công ty đã tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty được ban hành đúng định hướng và kịp thời, có tác dụng tích cực trong quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty. BKS không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

Công tác an ninh trật tự và các mặt quản lý khác được giữ vững. Điều kiện làm việc, đời sống vật chất tinh thần của người lao động đảm bảo ổn định.

6.4. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

Các thành viên BKS Công ty thực hiện tốt chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ được giao, làm việc có trách nhiệm, cẩn trọng và trung thực, vì lợi ích cao nhất của Công ty.

6.5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cổ đông.

Năm 2020 Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin từ HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các mặt hoạt động quản lý, SXKD; nhận được sự phối hợp của các phòng ban quản lý, các đơn vị sản xuất tạo điều kiện giúp BKS thực hiện nhiệm vụ.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn minh bạch, dân chủ, trao đổi với Ban Giám đốc và các phòng ban liên quan, trước khi kết luận ý kiến; các ý kiến, kiến nghị của BKS được Ban Giám đốc Công ty xem xét tiếp nhận và chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện nghiêm túc.

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo của cổ đông, cũng như của CBCN trong Công ty về tình hình hoạt động SXKD, về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý điều hành Công ty.

6.6. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của Ban Kiểm soát.

Điều 7. Thông qua báo cáo đề nghị lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty.

- Tên Công ty: Công ty TNHH PKF Việt Nam-Thành viên Tập đoàn Kiểm toán PKF Quốc tế.

- Tên viết tắt: PKF VIET NAM CO., LTD;
- Trụ sở chính: Số 1, phố Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - a) Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2021 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.
 - b) Kiểm toán các nội dung khác của Công ty (khi có yêu cầu).

Điều 8. Đại hội nhất trí thông qua báo cáo đề nghị bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

a) Tên ngành nghề kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Chi tiết: bán buôn đất đá, đá, cát, sỏi, đất sét, được khai thác và /hoặc được sản xuất từ nguồn đất đá đổ thải trong khai thác mỏ; Mã ngành: 4663.

b) Ủy quyền cho HĐQT, Giám đốc Công ty (người đại diện theo pháp luật của Công ty) thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh bổ sung ngành nghề mới theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin

Đại hội nhất trí biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin cho phù hợp với các quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ mẫu Công ty cổ phần áp dụng cho các Công ty con trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành.

Kể từ thời điểm này các quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung chính thức có hiệu lực và là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp, Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Điều 10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin cho phù hợp với quy định Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 13. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và thôi giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (năm 2017÷2022) đối với ông Nguyễn Văn Hùng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty phê chuẩn.

Điều 14. Thông qua kết quả bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Lương Anh làm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin nhiệm kỳ III (năm 2017÷2022) của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 và kết quả họp của các thành viên Ban kiểm soát bầu bà Nguyễn Thị Lương Anh làm Trưởng ban kiểm soát Công ty.

Nhiệm kỳ thành viên Ban Kiểm soát Công ty của bà Nguyễn Thị Lương Anh có hiệu lực kể từ ngày được bầu cho đến hết nhiệm kỳ 05 năm (năm 2017÷2022).

Điều 15. Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2021 đã được tiến hành công bằng và hợp pháp. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2021 thông qua.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Các thành viên BGD Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ, Ph(....).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phạm Công Hương

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin nhiệm kỳ III (năm 2017÷2022)

Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- | | |
|------------------------|------------|
| 1) Ông Lê Ngọc Doanh | Trưởng ban |
| 2) Bà Nguyễn Thanh Hải | Thành viên |
| 3) Ông Thái Đình Hiếu | Thành viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 34 người, có 22.042.269 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 67,83% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu bầu cử phát ra là : 34 phiếu.
- Số phiếu bầu cử thu về : 34 phiếu.
- Số phiếu bầu cử không hợp lệ là : 0 phiếu.
- Số phiếu bầu cử hợp lệ là : 34 phiếu, tương ứng với 22.042.269 phiếu bầu.

Kết quả số phiếu và tỷ lệ phiếu (tính trên tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

Bà Nguyễn Thị Lương Anh được 22.042.269 phiếu ủng hộ, bằng 100%.

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 10 giờ 40 phút đến 11 giờ 00 phút, ngày 22/4/2021. Biên bản này được lập thành 03 bản, đã được các thành viên Ban kiểm phiếu nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ toạ Đại hội.

(Các thành viên Ban kiểm phiếu ký, ghi rõ họ tên)

1. Ông Lê Ngọc Doanh.....
2. Bà Nguyễn Thanh Hải.....
3. Ông Thái Đình Hiếu.....

BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT
Về việc bầu Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin nhiệm kỳ III (năm 2017÷2022)

Vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Văn phòng Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin nhiệm kỳ III (2017÷2022) đã họp để bầu Trưởng ban Kiểm soát Công ty.

Tham dự họp có các thành viên sau đây:

- 1) Bà Nguyễn Thị Lương Anh
- 2) Bà Vũ Thiện Thành
- 3) Bà Trần Thị Điệp

Sau khi đã bàn bạc và thảo luận, Ban Kiểm soát đã tiến hành bỏ phiếu kín thông qua việc bầu bà Nguyễn Thị Lương Anh giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty với tỷ lệ nhất trí là 03/03 phiếu bằng 100%.

Biên bản này đã được các thành viên Ban Kiểm soát nhất trí thông qua và ký tên xác nhận dưới đây:

(Các thành viên Ban Kiểm soát ký, ghi rõ họ tên)

1. Bà Nguyễn Thị Lương Anh.....*Nguyễn Thị Lương Anh.*
2. Bà Vũ Thiện Thành.....*Vũ Thiện Thành*
3. Bà Trần Thị Điệp*Trần Thị Điệp*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH YẾU LÝ LỊCH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU – VINACOMIN

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LƯƠNG ANH**
2. Giới tính: **Nữ**
3. Ngày sinh: **04 tháng 01 năm 1971**
4. Dân tộc: **Kinh**
5. Quốc tịch: **Việt Nam**
6. Quê quán, nơi sinh: **Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An; nơi sinh Hà Nội**
7. Địa chỉ thường trú: **Tổ 21- Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội**
8. Số CMTND/CCCD : **001171013381**; Nơi cấp: **Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư**
Ngày cấp: **09/8/2017**
9. Điện thoại liên hệ: **Di động: 0913.037.104 email: luonganh.kiemtoan@gmail.com**
10. Trình độ văn hóa: **12/12**
11. Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp)**
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1990-12/1993	Trường công nhân kỹ thuật mỏ Bắc Thái	Cán bộ kế toán
01/1994-04/1996	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó phòng kế toán
05/1996-06/2000	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Cán bộ kế toán
07/2000-10/2001	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Phó phòng kế toán
11/2001-08/2009	Công ty CP SX & KDVTTB- VVMi	Kế toán trưởng
09/2009-10/2009	Công ty CP SX & KDVTTB- VVMi	Chuyên viên chính phòng KHVT
11/2009-12/2009	Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV	Chuyên viên phòng Kiểm toán
01/2010-10/2010	Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV	Chuyên viên phòng đầu tư
11/2010-03/2012	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	Chuyên viên phòng Kiểm toán
04/2012-09/2015	Tổng công ty Công ty Công	Phó phòng Kiểm toán

	nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	
10/2015- 21/4/2021	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Trưởng ban kiểm soát
Từ 15/4.2021 - nay	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Phó trưởng phòng thuộc Ban Kiểm soát nội bộ

13. Số cổ phần (TC6) nắm giữ

: Không

14. Số cổ phần (TC6) của người có liên quan nắm giữ

: Không.

15. Hành vi vi phạm pháp luật

: Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty

: Không

17. Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng thuộc Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- * Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

18. Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Đình Thanh	Số CMT 090594364 Ngày 10/10/2008 . Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Bố đẻ
2	Lương Thị Ngọc Bích	Số CMT 090194616 Ngày 2/10/2008 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Mẹ đẻ
3	Trịnh Đắc Hòa	Số CMT 012035667 ngày 14/8/2009 Nơi cấp: Hà Nội	Không	Chồng
4	Trịnh Như Phương	Số CMT 013619010 Ngày 11/3/2013 Nơi cấp: Hà Nội	Không	Con đẻ
5	Trịnh Minh Đức	Số: 001205010925 Ngày 13/01/2020 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Con đẻ
6	Nguyễn Thị Lương Nga	Số CMT 090706458 Ngày 6/5/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Em ruột
7	Nguyễn Thạc Cường	Số CMT 090508651 Ngày 15/9/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Em Rể
8	Nguyễn Lương Vinh	Hộ chiếu B 3896940 cấp ngày 15/3/2010 Cục quản lý XNC	Không	Em ruột

9	Vũ Thị Thu Giang	022184005053 Ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em dâu
10	Trịnh Đắc Đậu		Không	Bố chồng
11	Trịnh Việt Hà	Số CMT 02216601157 ngày 23/8/2017- Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
12	Trịnh Thị Nguyệt Hằng	Số CMT 022167001074 ngày 20/3/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
13	Trịnh Song Nga	Số 022169003279 ngày 16/10/2020 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
14	Trịnh Phú Thuận	Số CMT 022075000726 ngày 6/7/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em chồng
15	Trần Hải Luân	Số CMT 034062002985 ngày 30/6/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
16	Nguyễn Đình Thuận	Số CMT 03006802279 ngày 23/8/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
17	Trần Văn Ngọc	Số : 022063001574 Cấp ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
18	Nguyễn Thanh Hà	Số : 024180000644 Cấp ngày 28/10/2019. Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em dâu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Thị Lương Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2021

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LƯƠNG ANH**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 04 tháng 01 năm 1971
4. Quê quán, nơi sinh: Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An; nơi sinh Hà Nội
5. Số CMTND/CCCD : 001171013381; Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư
Ngày cấp: 09/8/2017
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú: Tổ 21- Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.037.104 email: luonganh.kiemtoan@gmail.com
9. Trình độ văn hóa: 12/12
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp).
11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.
12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
13. Số CP (TC6) nắm giữ: Không
14. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
15. Danh sách người có liên quan của người khai :

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Đình Thanh	Số CMT 090594364 Ngày 10/10/2008 . Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Bố đẻ
2	Lương Thị Ngọc Bích	Số CMT 090194616 Ngày 2/10/2008 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Mẹ đẻ

3	Trịnh Đắc Hòa	Số CMT 012035667 ngày 14/8/2009 Nơi cấp: Hà Nội	Không	Chồng
4	Trịnh Như Phương	Số CMT 013619010 Ngày 11/3/2013 Nơi cấp: Hà Nội	Không	Con đẻ
5	Trịnh Minh Đức	Số: 001205010925 Ngày 13/01/2020 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Con đẻ
6	Nguyễn Thị Lương Nga	Số CMT 090706458 Ngày 6/5/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Em ruột
7	Nguyễn Thạc Cương	Số CMT 090508651 Ngày 15/9/2005 Nơi cấp: Thái nguyên	Không	Em Rể
8	Nguyễn Lương Vinh	Hộ chiếu B 3896940 cấp ngày 15/3/2010 Cục quản lý XNC	Không	Em ruột
9	Vũ Thị Thu Giang	022184005053 Ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em dâu
10	Trịnh Đắc Đậu		Không	Bố chồng
11	Trịnh Việt Hà	Số CMT 02216601157 ngày 23/8/2017- Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
12	Trịnh Thị Nguyệt Hằng	Số CMT 022167001074 ngày 20/3/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
13	Trịnh Song Nga	Số 022169003279 ngày 16/10/2020 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Chị chồng
14	Trịnh Phú Thuận	Số CMT 022075000726 ngày 6/7/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em chồng
15	Trần Hải Luân	Số CMT 034062002985 ngày 30/6/2016 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
16	Nguyễn Đình Thuận	Số CMT 03006802279 ngày 23/8/2017 Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
17	Trần Văn Ngọc	Số : 022063001574 Cấp ngày 13/7/2018 Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Anh rể
18	Nguyễn Thanh Hà	Số : 024180000644 Cấp ngày 28/10/2019. Nơi cấp : Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư	Không	Em dâu

16. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Thị Lương Anh

